

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 7- 2019.  
V/v tranh chấp HNGĐ.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Sinh.

2. Bà Bùi Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Chị Hà Thị Th, sinh năm 19XX, là nguyên đơn.

2. Anh Nông Văn T, sinh năm: 19XX, là bị đơn.

Địa chỉ: cùng trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và đều "có mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tổ chức cưới theo phong tục địa phương năm 19xx và chưa đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn gia đình nên chị Th đã sống ly thân với anh T từ năm 2014 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong hôn nhân chị và anh T sinh được 01 người con Nông Thanh T, sinh ngày 03/3/19xx. Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung - riêng, công nợ chung; cho vay chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Con Nông Thanh T không có tài sản chung đóng góp cho gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với nội dung trên của chị Th và nhất trí ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Trong hôn nhân anh và chị Th sinh được 01 người con Nông Thanh T, sinh ngày 03/3/1998. Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung - riêng, công nợ chung; cho vay chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Con Nông Thanh T không có tài sản chung đóng góp cho gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa hết thời hạn 15 ngày đã mở phiên tòa, vi phạm khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Căn cứ vào các Điều 28, 35 của BLTTDS; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị Th với anh Nông Văn T; không xem xét, giải quyết về con chung và tài sản chung, công nợ chung của các đương sự. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hà Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án “Hôn nhân và gia đình” với anh Nông Văn T. Chị Th và anh T đều trú tại xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và sống chung như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ. Từ năm 2014 đến nay chị Th đã sống ly thân với anh T; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, quan hệ sống như vợ chồng của chị Hà Thị Th và anh Nông Văn T từ năm 1997 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không có giá trị pháp lý. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân thì khi họ yêu cầu giải quyết cho ly hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng là phù hợp

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Th và anh T sinh được 01 con chung Nông Thanh T, sinh ngày 03/3/1998. Hiện nay con đã trưởng thành nên chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con Nông Thanh T không có tài sản chung nên chị Hà Thị Th và anh Nông Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc áp dụng các điều luật; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị Th và anh Nông Văn T; không xem xét giải quyết con chung, tài sản chung, công nợ chung; nguyên đơn phí chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị Th với anh Nông Văn T.


2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung: Không có, nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Thúy phải chịu 300.000, đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác định chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 067xx ngày 21/x/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các Đương Sự;
- VKS nhân dân huyện;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã H;
- THADS huyện;
- Lưu HSVA, VP  .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**TRẦN QUANG HÒA**